



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp** 3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 2 tháng 10 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy
Ông Lý Văn Xuân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam
Ông Nguyễn Tấn Hòa

Ông Nguyễn Minh Phúc

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 26 tháng 7 năm 2023)
Quyền Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 12 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00382-23-1



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.186.804.684.705	12.258.434.228.464
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	501.386.999.566	242.815.476.591
Tiền	111		500.636.999.566	242.065.476.591
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.560.958.904	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	14(a)	20.560.958.904	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.405.245.948.063	8.315.127.736.295
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	7.416.195.465.814	7.934.070.297.881
Trả trước cho người bán	132	7	26.549.614.993	95.559.044.734
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	118.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	854.774.675.210	299.205.562.269
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(10.773.807.954)	(13.707.168.589)
Hàng tồn kho	140	10	3.749.491.109.277	3.185.372.278.891
Hàng tồn kho	141		3.876.500.070.101	3.377.955.693.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(127.008.960.824)	(192.583.414.198)
Tài sản ngắn hạn khác	150		510.119.668.895	510.118.736.687
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	96.483.062.965	94.748.267.020
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(a)	285.106.020.138	286.790.842.330
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	128.530.585.792	128.579.627.337

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.924.991.584.484	5.118.727.087.531
Các khoản phải thu dài hạn	210		140.931.524.246	241.195.291.600
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	-	70.700.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	140.931.524.246	170.495.291.600
Tài sản cố định	220		1.016.313.002.019	1.198.450.061.079
Tài sản cố định hữu hình	221	11	848.743.235.444	1.014.508.752.822
Nguyên giá	222		3.888.602.489.525	3.794.307.134.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.039.859.254.081)	(2.779.798.381.221)
Tài sản cố định vô hình	227	12	167.569.766.575	183.941.308.257
Nguyên giá	228		254.559.214.510	259.431.861.261
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(86.989.447.935)	(75.490.553.004)
Tài sản dở dang dài hạn	240		27.180.502.737	106.037.865.309
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	27.180.502.737	106.037.865.309
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.589.850.000.000	3.393.850.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	14(b)	3.588.850.000.000	3.377.850.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14(a)	1.000.000.000	16.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		150.716.555.482	179.193.869.543
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	100.428.317.304	69.639.780.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	50.288.238.178	109.554.088.803
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.111.796.269.189	17.377.161.315.995

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.829.845.298.714	6.210.033.388.769
Nợ ngắn hạn	310		6.815.609.482.547	6.195.799.689.582
Phải trả người bán	311	17	3.330.483.232.614	1.970.635.586.928
Người mua trả tiền trước	312		129.957.335.766	176.845.202.295
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(c)	145.505.586.644	5.275.868.275
Phải trả người lao động	314		48.600.453.107	64.245.590.725
Chi phí phải trả	315	19	66.684.028.030	207.561.319.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	42.122.470.287	18.979.145.366
Vay ngắn hạn	320	21	2.903.786.802.438	3.545.557.150.716
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	148.469.573.661	206.699.825.822
Nợ dài hạn	330		14.235.816.167	14.233.699.187
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	13.526.316.167	13.524.199.187
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.281.950.970.475	11.167.127.927.226
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.281.950.970.475	11.167.127.927.226
Vốn cổ phần	411	25	6.159.823.090.000	5.980.549.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.159.823.090.000	5.980.549.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.910.496.944	187.499.009.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.886.924.844.463	4.841.786.518.282
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.638.635.861.919	4.793.615.960.838
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		248.288.982.544	48.170.557.444
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.111.796.269.189	17.377.161.315.995

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	52.881.019.564.133	81.450.228.213.277
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	276.256.396.943	260.746.998.178
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	52.604.763.167.190	81.189.481.215.099
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	50.476.627.454.498	77.388.423.409.761
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.128.135.712.692	3.801.057.805.338
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	800.850.256.543	425.167.604.879
Chi phí tài chính	22	30	300.217.604.297	419.889.233.636
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		184.694.883.045	176.518.452.634
Chi phí bán hàng	25	31	2.121.829.595.199	3.469.159.524.662
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	242.553.285.595	323.017.357.209
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		264.385.484.144	14.159.294.710
Thu nhập khác	31		45.338.320.487	37.281.371.157
Chi phí khác	32		631.991.708	2.028.544.004
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		44.706.328.779	35.252.827.153
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		309.091.812.923	49.412.121.863
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.536.979.754	23.681.645.484
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	59.265.850.625	(22.440.081.065)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		248.288.982.544	48.170.557.444

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Đàn Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		309.091.812.923	49.412.121.863
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		296.698.963.838	288.742.037.855
Các khoản dự phòng	03		(54.798.528.440)	112.682.357.532
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.114.003.286)	(5.999.777.701)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(582.268.394.623)	(182.386.015.343)
Chi phí lãi vay	06		184.694.883.045	176.518.452.634
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		151.304.733.457	438.969.176.840
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		455.788.862.582	1.825.657.571.725
Biến động hàng tồn kho	10		(508.889.546.680)	3.086.823.027.253
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.544.513.703.402	(3.677.954.974.368)
Biến động chi phí trả trước	12		23.096.871.939	(13.914.683.956)
			1.665.814.624.700	1.659.580.117.494
Tiền lãi vay đã trả	14		(186.167.929.380)	(182.460.644.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.461.479.656)	(288.320.745.818)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(191.696.191.456)	(117.030.852.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.286.489.024.208	1.071.767.875.098
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(178.762.599.745)	(328.785.899.096)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		33.972.301.805	24.389.427.659
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(136.060.958.904)	(2.700.000.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		15.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(130.845.602.739)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27		9.167.953.933	231.166.167.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(387.528.905.650)	(75.930.304.183)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	49.008.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		21.420.117.233.606	32.420.046.369.416
Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.061.887.581.884)	(33.679.445.401.829)
Tiền trả cổ tức	36		(5.531.000)	(393.643.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(641.775.879.278)	(1.210.784.675.913)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		257.184.239.280	(214.947.104.998)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		242.815.476.591	406.017.139.417
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		1.387.283.695	51.745.442.172
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	501.386.999.566	242.815.476.591

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2022: 9 công ty con và 1 công ty liên kết) như được liệt kê tại Thuyết minh 14(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty có 5.195 nhân viên (1/10/2022: 5.678 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa tại các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 và ngày 1 tháng 10 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 và năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023			
Doanh thu thuần	39.593.660.448.682	13.011.102.718.508	52.604.763.167.190
Giá vốn	(38.503.724.674.301)	(11.972.902.780.197)	(50.476.627.454.498)
	1.089.935.774.381	1.038.199.938.311	2.128.135.712.692
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022			
Doanh thu thuần	56.214.951.778.660	24.974.529.436.439	81.189.481.215.099
Giá vốn	(55.347.026.256.953)	(22.041.397.152.808)	(77.388.423.409.761)
	867.925.521.707	2.933.132.283.631	3.801.057.805.338

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Tiền mặt	19.658.150.000	15.584.046.000
Tiền gửi ngân hàng	480.959.663.566	226.481.430.591
Tiền đang chuyển	19.186.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	750.000.000
	501.386.999.566	242.815.476.591

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm 2,7% (1/10/2022: từ 3,3% đến 4,6%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số dư là 750 triệu VND (1/10/2022: 750 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.215.264.273.972	2.652.930.737.630
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.372.936.869.815	2.422.283.777.755
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	946.241.475.038	403.645.299.396
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	895.604.786.299	864.997.781.220
Các khách hàng khác	1.986.148.060.690	1.590.212.701.880
	7.416.195.465.814	7.934.070.297.881

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.215.264.273.972	2.652.930.737.630
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.372.936.869.815	2.422.283.777.755
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	946.241.475.038	403.645.299.396
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	895.604.786.299	864.997.781.220
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	431.164.423.550	607.338.753.185
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	-	917.618.361
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	-	5.254.326.475

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi	30/9/2023				1/10/2022			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	-	-	-	-	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	-	-	-	-	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	-	10.773.807.954	(10.773.807.954)	-	Trên 6 năm Từ 2 đến trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Các khách hàng khác	-	-	-	-	-	8.246.557.128	(8.246.557.128)	-
		10.773.807.954	(10.773.807.954)	-		13.707.168.589	(13.707.168.589)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	13.707.168.589	13.731.284.589
Dự phòng trích lập trong năm	10.773.807.954	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(13.707.168.589)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(24.116.000)
Số dư cuối năm	10.773.807.954	13.707.168.589

7. Trả trước cho người bán

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty Cổ phần Ddecor	4.508.131.372	-
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	3.928.890.565	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kim Lâm	2.915.783.476	2.915.783.476
Công ty TNHH Con Mưa Nhỏ	844.762.499	9.445.374.912
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	-	15.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vicenza	-	14.763.244.800
Các nhà cung cấp khác	14.352.047.081	52.834.641.546
Tổng cộng	26.549.614.993	95.559.044.734

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen – công ty con	118.500.000.000	-

Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 3,5%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con	-	70.700.000.000

Biến động khoản phải thu về cho vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	70.700.000.000	-
Tăng trong năm	2.000.000.000	2.700.000.000
Chuyển đổi thành vốn góp vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	(72.700.000.000)	-
Chuyển từ phải thu về cho vay ngắn hạn	-	68.000.000.000
Số dư cuối năm	-	70.700.000.000

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	569.044.918.051	154.371.185.341
Khoản ký quỹ chờ thanh toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	144.324.780.746	-
Tạm ứng để mua đất	58.438.165.400	53.832.470.000
Tạm ứng cho người lao động	25.152.379.411	31.942.549.257
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	32.922.961.831	32.995.045.800
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.345.169.668	1.631.088.893
Phải thu lãi cho vay	-	5.248.575.343
Phải thu khác	1.727.525.103	6.365.872.635
	854.774.675.210	299.205.562.269

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	452.606.481.613	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	79.701.680.202	55.113.744.672
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	21.793.140.575	59.919.400.868
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	14.943.615.661	32.534.930.981
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	-	6.803.108.820
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	-	5.248.575.343
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.010.000.000	1.448.000.000
Nhân sự chủ chốt		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	127.931.524.246	161.495.291.600
Đặt cọc khác	13.000.000.000	9.000.000.000
	140.931.524.246	170.495.291.600

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/9/2023		1/10/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.158.658.126.605	(15.816.167.731)	114.509.419.480	-
Nguyên vật liệu	435.595.761.803	(13.737.221.633)	477.122.815.899	(37.069.055.231)
Công cụ và dụng cụ	150.718.345.305	-	172.405.446.071	-
Sản phẩm dở dang	-	-	4.834.046	-
Thành phẩm	871.628.051.071	(25.238.466.823)	1.109.718.290.205	(84.128.944.549)
Hàng hóa	1.259.899.785.317	(72.217.104.637)	1.504.194.887.388	(71.385.414.418)
	3.876.500.070.101	(127.008.960.824)	3.377.955.693.089	(192.583.414.198)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.614.030 triệu VND (1/10/2022: 2.016.477 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	192.583.414.198 (65.574.453.374)	80.458.082.586 112.125.331.612
Số dư cuối năm	127.008.960.824	192.583.414.198

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	774.658.362.424	2.600.845.969.583	320.216.460.166	76.375.572.729	22.210.769.141	3.794.307.134.043
Tăng trong năm	598.034.486	7.798.793.891	2.568.536.364	-	9.597.000	10.974.961.741
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	83.185.510.661	25.430.359.655	3.847.900.311	8.373.081.818	8.130.113.152	128.966.965.597
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	4.986.512.351	-	4.986.512.351
Thanh lý	(137.900.000)	(45.844.170.676)	(2.762.515.667)	-	-	(48.744.586.343)
Xóa sổ	(1.246.719.022)	(641.778.842)	-	-	-	(1.888.497.864)
Số dư cuối năm	857.057.288.549	2.587.589.173.611	323.870.381.174	89.735.166.898	30.350.479.293	3.888.602.489.525
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	321.215.298.917	2.145.683.170.378	236.097.412.843	55.019.104.849	21.783.394.234	2.779.798.381.221
Khấu hao trong năm	70.967.015.774	167.501.416.827	32.710.797.616	10.299.942.473	1.654.037.433	283.133.210.123
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	2.066.858.784	-	2.066.858.784
Thanh lý	(16.205.477)	(21.064.003.607)	(2.555.410.619)	-	-	(23.635.619.703)
Xóa sổ	(1.052.818.994)	(450.757.350)	-	-	-	(1.503.576.344)
Số dư cuối năm	391.113.290.220	2.291.669.826.248	266.252.799.840	67.385.906.106	23.437.431.667	3.039.859.254.081
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	453.443.063.507	455.162.799.205	84.119.047.323	21.356.467.880	427.374.907	1.014.508.752.822
Số dư cuối năm	465.943.998.329	295.919.347.363	57.617.581.334	22.349.260.792	6.913.047.626	848.743.235.444

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.640.344 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (1/10/2022: 1.175.749 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 114.967 triệu VND (1/10/2022: 193.584 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	200.234.842.108	59.197.019.153	259.431.861.261
Tăng trong năm	113.865.600	-	113.865.600
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.986.512.351)	(4.986.512.351)
<hr/>			
Số dư cuối năm	200.348.707.708	54.210.506.802	254.559.214.510
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	33.977.518.763	41.513.034.241	75.490.553.004
Khấu hao trong năm	2.551.332.841	11.014.420.874	13.565.753.715
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.066.858.784)	(2.066.858.784)
<hr/>			
Số dư cuối năm	36.528.851.604	50.460.596.331	86.989.447.935
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	166.257.323.345	17.683.984.912	183.941.308.257
Số dư cuối năm	163.819.856.104	3.749.910.471	167.569.766.575

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 (1/10/2022: 456 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 65.077 triệu VND (1/10/2022: 65.802 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	12.473.213.114	18.689.210.837
Chi phí xây dựng và nâng cấp của dự án Hoa Sen Home	12.111.342.101	73.383.240.019
Sửa chữa lớn tài sản cố định	272.693.086	13.119.891.601
Các công trình khác	2.323.254.436	845.522.852
	27.180.502.737	106.037.865.309

Biến động của xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	106.037.865.309	180.277.059.193
Tăng trong năm	105.729.807.473	272.415.965.753
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(128.966.965.597)	(320.452.190.169)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(52.200.883.683)	(25.723.501.813)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.419.320.765)	(479.467.655)
	27.180.502.737	106.037.865.309



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	20.560.958.904	5.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 5,4% đến 5,7% (1/10/2022: 4%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	-	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	16.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất được tính theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%. Trái phiếu này đã được tất toán trước hạn trong năm.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất được tính theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2023		1/10/2022			
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	770.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	380.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	99,95%	299.850.000.000	-	99,95%	299.850.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95,962%	404.000.000.000	-	95%	323.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
		3.588.850.000.000	-		3.377.850.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (i)		-	-		-	-
		3.588.850.000.000	-		3.377.850.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	3.377.850.000.000	3.228.000.000.000
Tăng đầu tư vào công ty con bằng tiền	130.845.602.739	-
Tăng đầu tư vào công ty con theo hình thức chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn	72.700.000.000	-
Tăng đầu tư vào công ty con theo hình thức chuyển đổi khoản phải thu lãi cho vay dài hạn	7.454.397.261	-
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cân trừ khoản phải thu khách hàng	-	149.850.000.000
Số dư cuối năm	3.588.850.000.000	3.377.850.000.000

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Chi phí thuê trả trước	64.417.050.951	64.585.607.908
Bảng hiệu quảng cáo	12.053.314.299	7.532.677.931
Công cụ và dụng cụ	7.097.532.603	8.433.302.530
Chi phí sửa chữa	3.277.044.736	4.186.028.112
Chi phí bảo hiểm	1.665.144.665	2.156.343.069
Chi phí tư vấn	420.243.334	188.404.107
Chi phí khác	7.552.732.377	7.665.903.363
	96.483.062.965	94.748.267.020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Bảng hiệu quảng cáo	29.506.341.258	25.604.930.564
Công cụ và dụng cụ	23.936.086.329	18.132.685.548
Chi phí sửa chữa	29.666.238.371	10.989.601.459
Chi phí thuê trả trước	7.087.889.100	10.596.319.316
Chi phí khác	10.231.762.246	4.316.243.853
	100.428.317.304	69.639.780.740

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Số dư đầu năm	69.639.780.740	38.680.005.935
Tăng trong năm	34.775.660.765	38.837.490.092
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	52.200.883.683	25.723.501.813
Phân bổ trong năm	(55.043.240.550)	(33.467.890.065)
Thanh lý	(1.144.767.334)	(133.327.035)
	100.428.317.304	69.639.780.740

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	14.944.363.399	72.253.284.528
▪ Các khoản dự phòng	20%	30.261.816.989	41.258.116.558
▪ Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	20%	5.565.058.173	(3.957.312.283)
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(483.000.383)	-
		50.288.238.178	109.554.088.803

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Win Faith Trading Limited	1.060.712.721.850	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	334.337.182.195	458.751.657.862
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	253.940.389.459	466.964.809.368
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	215.321.324.077	484.333.050.520
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	111.279.330.138	205.051.386.730
Các nhà cung cấp khác	1.354.892.284.895	355.534.682.448
	3.330.483.232.614	1.970.635.586.928

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	334.337.182.195	458.751.657.862
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	253.940.389.459	466.964.809.368
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	111.279.330.138	205.051.386.730
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	20.317.701.360	47.205.825.100
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	505.888.267	-
Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	4.927.051.994	517.408.886
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	7.879.921	86.963.661

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế****(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/10/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã được hoàn VND	Số đã cân trừ VND	30/9/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	286.790.842.330	5.377.873.793.544	(1.118.180.000.000)	(4.261.378.615.736)	285.106.020.138

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2022 VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	30/9/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.573.872.546	(75.500.098)	-	128.498.372.448
Thuế thu nhập cá nhân	4.805.422	-	27.407.922	32.213.344
Các loại thuế khác	949.369	(949.369)	-	-
	128.579.627.337	(76.449.467)	27.407.922	128.530.585.792

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phải loại lại VND	30/9/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.757.214.460	4.978.853.583.453	(577.393.366.895)	(4.261.378.615.736)	-	142.838.815.282
Thuế xuất nhập khẩu	79.574.109	2.691.343.521	(2.738.942.709)	-	-	31.974.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.536.979.754	(1.461.479.656)	(75.500.098)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.439.079.706	31.548.974.642	(32.109.920.452)	-	27.407.922	1.905.541.818
Các loại thuế khác	-	8.451.492.678	(7.721.288.686)	(949.369)	-	729.254.623
	5.275.868.275	5.023.082.374.048	(621.424.998.398)	(4.261.455.065.203)	27.407.922	145.505.586.644

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Chiết khấu thương mại	48.754.012.121	-
Chi phí tiền điện	7.929.241.402	10.580.760.500
Chi phí vận chuyển	2.197.954.978	8.772.973.606
Xây dựng cơ bản dở dang	2.004.568.119	5.981.920.235
Chi phí lãi vay	1.669.015.121	3.142.061.456
Chi phí lương và thưởng	644.609.213	175.807.342.057
Chi phí khác	3.484.627.076	3.276.261.601
	66.684.028.030	207.561.319.455

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	28.135.471.782	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.674.230.502	4.533.857.502
Cổ tức phải trả	3.541.015.977	3.546.546.977
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.723.454.640	1.807.923.260
Phải trả cho các bên liên quan	185.203.980	-
Phải trả khác	2.863.093.406	9.090.817.627
	42.122.470.287	18.979.145.366

Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	185.203.980	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/10/2022	30/9/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.545.557.150.716	2.903.786.802.438
Vay	21.420.117.233.606	(22.061.887.581.884)
Trả nợ vay VND		2.903.786.802.438
Biến động trong năm		
Vay VND		
Trả nợ vay VND		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay

	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.625.599.905.996	67.760.505.201
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	-	1.299.533.881.430
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.100.416.059.001	1.338.014.916.558
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	-	151.710.297.416
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	-	421.607.418.953
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(iv)	VND	-	266.930.131.158
▪ Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	(v)	VND	177.770.837.441	-
			2.903.786.802.438	3.545.557.150.716

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			30/9/2023	1/10/2022
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	2,8% - 5,2%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, các khoản phải thu
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.400 tỷ VND	- 3,20%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, các khoản phải thu
iii. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	-	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, một công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	23 triệu USD	-	Hàng tồn kho
v. Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10 triệu USD	2,4% - 2,6%	- Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	206.699.825.822	75.028.510.629
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	10.053.653.206	172.540.289.352
Sử dụng quỹ trong năm	(68.283.905.367)	(40.868.974.159)
Số dư cuối năm	148.469.573.661	206.699.825.822

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.524.199.187	12.943.057.267
Trích lập dự phòng trong năm	2.116.980	581.141.920
Số dư cuối năm	13.526.316.167	13.524.199.187

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021	Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2022	Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2023
Vốn cổ phần VND	4.934.818.960.000	5.980.549.860.000	6.159.823.090.000
Thặng dư vốn cổ phần VND	157.292.539.068	157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	90.695.201.265	187.499.009.876	77.910.496.944
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	6.135.844.836.973	4.841.786.518.282	4.886.924.844.463
Tổng VND	11.318.651.537.306	11.167.127.927.226	11.281.950.970.475
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	248.288.982.544
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	996.722.900.000	179.273.230.000	(179.273.230.000)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	49.008.000.000	-	(10.053.653.206)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.823.773.157)
Phân bổ vào quỹ khác	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)
Sử dụng các quỹ	-	(76.161.878.172)	(123.412.286.089)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	248.288.982.544
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	179.273.230.000	179.273.230.000	(179.273.230.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.053.653.206)
Phân bổ vào quỹ khác (ii)	-	13.823.773.157	(13.823.773.157)
Sử dụng các quỹ	-	(123.412.286.089)	(123.412.286.089)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2023	6.159.823.090.000	5.980.549.860.000	6.159.823.090.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 17.927.323 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản Trị ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã phát hành 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).
- (ii) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2022, Công ty đã phân bổ 13.824 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 1 năm 2021 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã phân bổ 172.966 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích chi trả cho các khoản thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, hoạt động từ thiện và các hoạt động khác của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2023		1/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2023		30/9/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	17.927.323	179.273.230.000	99.672.290	996.722.900.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	4.900.800	49.008.000.000
Số dư cuối năm	615.982.309	6.159.823.090.000	598.054.986	5.980.549.860.000

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Thuê

(i) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2023 VND	1/10/2022 VND
Trong vòng một năm	184.530.335.648	190.704.970.814
Từ hai đến năm năm	566.172.450.076	671.436.595.330
Trên năm năm	322.064.111.424	402.599.723.559
	1.072.766.897.148	1.264.741.289.703

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Tài sản cho thuê

Công ty cho thuê đất, văn phòng và xe theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu có thể thu được từ các hợp đồng này như sau:

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.998.410.909	2.798.181.818
Từ hai đến năm năm	13.433.280.000	10.036.363.636
Trên năm năm	148.019.091	2.471.000.000
	17.579.710.000	15.305.545.454

(b) Ngoại tệ

	30/9/2023		1/10/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.877.534	69.399.055.929	1.907.538	45.263.920.554
		69.399.055.929		45.263.920.554

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/9/2023	1/10/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	11.130.299.195	43.430.903.759
	11.130.299.195	43.430.903.759

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	37.197.687.706.056	57.808.704.593.493
▪ Bán thành phẩm	15.675.573.606.016	23.634.273.781.682
▪ Doanh thu khác	7.758.252.061	7.249.838.102
	<hr/>	<hr/>
	52.881.019.564.133	81.450.228.213.277
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	256.227.646.279	235.503.862.029
▪ Hàng bán bị trả lại	10.636.844.422	22.285.866.464
▪ Giảm giá hàng bán	9.391.906.242	2.957.269.685
	<hr/>	<hr/>
	276.256.396.943	260.746.998.178
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	52.604.763.167.190	81.189.481.215.099

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	36.410.957.999.503	55.515.097.480.925
▪ Thành phẩm đã bán	14.129.805.609.860	21.760.279.939.401
▪ Giá vốn khác	1.438.298.509	920.657.823
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(65.574.453.374)	112.125.331.612
	<hr/>	<hr/>
	50.476.627.454.498	77.388.423.409.761

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	3.493.917.031	10.315.629.445
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.076.750.000	1.094.800.000
Lợi nhuận được chia	569.219.313.947	154.371.185.341
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	224.243.067.662	251.951.061.756
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.114.003.286	5.999.777.701
Doanh thu hoạt động tài chính khác	703.204.617	1.435.150.636
	<hr/>	<hr/>
	800.850.256.543	425.167.604.879
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	184.694.883.045	176.518.452.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.384.659.040	242.244.477.150
Chi phí tài chính khác	2.138.062.212	1.126.303.852
	<hr/>	<hr/>
	300.217.604.297	419.889.233.636
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí nhân viên	595.641.447.118	800.829.008.111
Chi phí xuất khẩu	734.588.143.602	1.788.319.799.615
Chi phí thuê	184.212.620.724	191.267.820.840
Chi phí khấu hao và phân bổ	178.504.610.026	143.706.365.940
Chi phí vận chuyển	122.664.976.847	192.663.313.546
Chi phí quảng cáo	70.351.232.208	94.421.008.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.115.142.722	70.052.660.275
Chi phí bán hàng khác	165.751.421.952	187.899.547.586
	2.121.829.595.199	3.469.159.524.662

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Chi phí nhân viên	87.843.401.610	137.809.115.329
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.162.020.849	31.898.095.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.977.383.698	51.617.783.651
Chi phí tiếp khách	10.677.349.360	12.241.321.628
Chi phí thuê	18.953.626.090	18.518.659.374
Chi phí công tác	8.118.742.665	9.059.375.388
Chi phí dịch vụ chuyên môn	8.039.155.867	5.260.489.540
Chi phí khác	46.781.605.456	56.612.516.972
	242.553.285.595	323.017.357.209

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.052.226.649.528	20.525.871.449.898
Chi phí nhân công và nhân viên	756.748.227.290	1.020.188.374.598
Chi phí khấu hao và phân bổ	296.698.963.838	288.742.037.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.223.002.874.116	2.383.274.263.506
Chi phí khác	646.617.614.749	740.564.626.415

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	22.742.463.666
Dự phòng thiếu năm trước	1.536.979.754	939.181.818
	1.536.979.754	23.681.645.484
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	59.265.850.625	(22.440.081.065)
	60.802.830.379	1.241.564.419

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	309.091.812.923	49.412.121.863
Thuế theo thuế suất của Công ty	61.818.362.585	9.882.424.373
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.200.629.518	21.294.195.296
Thu nhập không bị tính thuế	(113.843.862.789)	(30.874.237.068)
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	98.090.721.311	-
Dự phòng thiếu năm trước	1.536.979.754	939.181.818
	60.802.830.379	1.241.564.419

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	30/9/2023		1/10/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	490.453.606.555	98.090.721.311	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2028.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023	30/9/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Mua hàng hóa và thành phẩm	11.165.960.437.401	16.849.446.476.866
Bán hàng hóa và thành phẩm	10.998.802.448.339	15.154.201.068.619
Chi hộ	125.152.350.216	145.872.876.921
Bán tài sản cố định	18.702.475.219	-
Mua tài sản cố định	254.000.000	-
Cung cấp dịch vụ gia công	27.145.456	-
Lợi nhuận được chia	79.701.680.202	55.113.744.672
Bán khác	-	734.960.549
Hàng bán bị trả lại	-	461.604.000
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen		
Mua hàng hóa và thành phẩm	9.459.614.719	2.667.095.069.278
Bán hàng hóa và thành phẩm	6.991.437.506	2.949.538.487.764
Thuê tài sản	1.662.837.469	1.667.888.665
Cho thuê tài sản	410.753.368	132.000.000
Cho vay	118.500.000.000	-
Lãi cho vay	385.178.082	-
Trả lại hàng mua	61.440.100	317.064.314
Bán tài sản cố định	60.000.000	596.981.403
Bán công cụ dụng cụ	26.980.420	-
Bán phế liệu	10.090.980	-
Cung cấp dịch vụ gia công	2.798.250	-
Mua dịch vụ vận chuyển	2.448.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	1.506.534.607
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	55.330.646
Bán khác	-	1.171.818

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.288.695.460.946	1.807.757.820.347
Bán hàng hóa và thành phẩm	12.744.811.017	53.100.202.214
Mua dịch vụ vận chuyển	3.984.180.788	362.700.165
Thuê hoạt động	765.000.000	-
Bán tài sản cố định	153.268.494	2.136.688.455
Hàng mua được giảm giá và trả lại hàng mua	172.731.046	909.091
Cho thuê tài sản	43.000.000	88.000.000
Giảm giá hàng bán	22.148.485	-
Hàng bán bị trả lại	13.859.988	-
Cung cấp dịch vụ gia công	625.747	-
Lợi nhuận được chia	14.943.615.661	32.534.930.981
Bán khác	-	19.747.239
Mua dịch vụ gia công	-	12.703.654
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	7.844.837.450.270	11.338.681.473.292
Mua hàng hóa và thành phẩm	7.717.697.049.045	10.677.905.794.382
Mua dịch vụ gia công	72.139.411.056	74.544.573.553
Mua dịch vụ vận chuyển	4.380.845.692	1.758.868.357
Trả lại hàng mua	1.912.485.853	1.313.093.999
Mua dịch vụ đóng hàng	1.159.901.997	-
Thuê tài sản	364.867.044	112.867.044
Hàng mua được giảm giá	242.990.916	179.379.341
Cho thuê tài sản	116.040.000	116.040.000
Bán phế liệu	48.548.688	-
Bán khác	-	5.265.843
Mua khác	-	466.646.471
Lợi nhuận được chia	452.606.481.613	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội		
- Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.736.525.476.044	5.916.912.916.961
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.897.176.551.422	5.293.505.494.304
Mua dịch vụ gia công	17.341.430.717	48.253.646.596
Mua dịch vụ vận chuyển	1.382.429.285	1.683.027.246
Mua tài sản cố định	805.000.002	-
Thuê hoạt động	507.709.678	-
Trả lại hàng mua	296.081.059	1.715.302.815
Cung cấp dịch vụ gia công	16.666.695	-
Bán phế liệu	11.000.000	-
Bán công cụ dụng cụ	5.535.000	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.160.000	-
Bán tài sản cố định	-	283.000.000
Bán khác	-	52.984.112
Mua khác	-	191.314.130
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Mua hàng hóa và thành phẩm	437.625.336.332	579.971.845.803
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.691.612.304	20.131.689.237
Mua dịch vụ vận chuyển	1.323.123.526	148.220.156
Thuê tài sản	632.000.000	96.000.000
Cho thuê tài sản	234.600.000	254.400.000
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	18.490.680	64.144.064
Lợi nhuận được chia	21.967.536.471	59.919.400.868
Bán khác	-	42.234.031
Mua khác	-	29.545.456
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Thu nhập từ tiền lãi	2.205.821.918	5.248.575.343
Cho vay	2.000.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.824.510.443.651	1.602.249.854.813
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.782.529.022.168	1.084.379.090.742
Thuê tài sản	2.407.904.206	5.400.926.396
Hàng bán bị trả lại	1.950.897.178	1.494.701.100
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	210.871.814	10.229.427
Mua dịch vụ vận chuyển	145.502.443	1.422.234
Bán tài sản cố định	50.000.000	-
Trả lại hàng mua	24.112.210	494.720.491
Bán phế liệu	10.033.712	-
Hàng mua được giảm giá	4.090.909	-
Mua khác	-	200.345.454
Bán khác	-	2.051.444

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Mua hàng hóa và thành phẩm	223.178.479.434	426.566.323.005
Mua dịch vụ vận chuyển	636.261.077	53.318.348
Bán hàng hóa và thành phẩm	526.746.286	5.323.476.510
Thuê hoạt động	120.000.000	-
Trả lại hàng mua	12.363.560	-
Hàng mua được giảm giá	2.145.616	-
Lợi nhuận được chia	-	6.803.108.820
Bán khác	-	185.822
Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.270.409.673.386	3.092.150.468.293
Chiết khấu thương mại	92.710.514.295	40.668.612.691
Mua dịch vụ vận chuyển	43.729.047.517	54.223.963.947
Chi phí thuê tài sản	10.169.650.855	11.691.820.663
Cho thuê tài sản	4.004.933.810	3.426.751.992
Hàng bán bị trả lại	3.363.622.179	4.211.655.248
Thu nhập lãi chậm thanh toán	196.103.790	733.063
Mua hàng hóa và dịch vụ	155.100.000	-
Giảm giá hàng bán	67.271.243	54.727.273
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	21.382.180	5.624.030
Mua tài sản cố định	18.000.000	-
Cung cấp dịch vụ gia công	17.334.799	7.004.452
Mua dịch vụ gia công	1.898.200	-
Bán tài sản cố định	-	836.100.000
Bán khác	-	108.548.139
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Mua dịch vụ vận chuyển	442.906.542	615.505.112
Công ty TNHH Tổ chức biểu diễn Nghệ thuật và Hòa nhạc Quốc tế Hoa Sen		
Mua dịch vụ tổ chức sự kiện	35.450.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	360.000.000	360.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	300.000.000	300.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Tổng Giám đốc Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	2.362.752.815	2.706.721.532
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	14.431.880.677	16.587.416.081

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	17.171.863.456	93.030.622.427
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	147.742.472.417	2.088.425.817.863
Chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn thành khoản đầu tư vào công ty con	72.700.000.000	-
Chuyển đổi khoản lãi phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	7.454.397.261	-
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cần trừ khoản phải thu	-	149.850.000.000

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Đào Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

